

Kính gửi: Quý Nhà cung cấp

Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp vật tư tim mạch can thiệp theo yêu cầu dưới đây, vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Mua vật tư tim mạch can thiệp lần 2 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.

2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước;

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 12 tháng;

7. Yêu cầu về chào giá: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của tổ chuyên gia;

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Trước 09 giờ, ngày 30 tháng 12 năm 2024;

9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá qua mail: quyennth.syt@binhphuoc.gov.vn

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Khoa Dược - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước - Quốc lộ 14 - P.Tiền Thành – TP. Đồng Xoài – Tỉnh Bình Phước.

Người liên hệ: Vũ Thị Bích Ngọc SĐT: 0919.105.705

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Quyết định hoặc hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ Sở Y tế (nếu có);

+ Tài liệu kỹ thuật hàng hóa.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Website của BVĐK Bình Phước;
- Phòng KHTH, Phòng TCKT;
- Lưu VT, khoa Dược.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



3													
...													

- Báo giá này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

Ngày.....tháng.....năm 2024

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký tên và đóng dấu)

## PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo Thư chào giá số /BVĐK-KD ngày tháng 12 năm 2024)

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay 1. Dụng cụ mở đường - Chất liệu polyethylene và Polypropylene - Có ngăn chặn máu rò rỉ - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 7cm, 11cm, 23cm 2. Kim chọc cỡ 21G, dài $\geq 4$ cm 3. Dây dẫn bằng thép không gỉ, có đầu cong hình J, đường kính 0.018", dài 40cm 4. Khóa 3 ngã - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	1.600
2	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi có van ngăn chặn máu rò rỉ 1. Dụng cụ mở đường - Chất liệu Polyethylene và Polypropylene - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4Fr, 6Fr, 8Fr - Chiều dài $\geq 11$ cm 2. Kim chọc mạch 18G, dài $\geq 7$ cm 3. Dây dẫn nhỏ làm bằng thép không gỉ có 0.038", dài trong khoảng 45 - 50cm, đầu cong hình J 4. Khóa 3 ngã 5. Khay cố định - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	320

3	Ống thông chụp mạch vành đường quay đa năng trái và phải	<p>Ống thông chụp mạch vành đường quay đa năng trái và phải</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyamide</li> <li>- Có tối thiểu cỡ 5Fr</li> <li>- Chiều dài trong khoảng 100 - 120cm</li> <li>- Giới hạn áp lực tối thiểu 1200psi</li> <li>- Tương thích dây dẫn 0.035" hoặc 0.038"</li> <li>- Lưu lượng dòng chảy tối đa khoảng 23 ml/ giây</li> <li>- Tiết khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	1.600
4	Ống thông chẩn đoán tim mạch	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp trong và lớp ngoài là Nylon rich Polyurethan.</li> <li>- Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (32 sợi)</li> <li>- Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng <math>\geq 1.03\text{mm}</math>) - 5Fr (lòng rộng <math>\geq 1.20\text{mm}</math>),</li> <li>- Dạng JR, JL, AR, AL, pigtail</li> <li>- Chiều dài 65, 70, 80, 100, 110cm.</li> <li>- Giới hạn áp lực 4Fr: <math>\geq 750\text{psi}</math>, 5Fr <math>\geq 1000\text{psi}</math>.</li> <li>- Tiết khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	700
5	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	<p>Cấu tạo ống thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo trục với lớp lưới đan thép không gỉ 2x2 và lớp ngoài polyamide</li> <li>- Lớp phủ ái nước hydrophilic chọn lọc, chỉ phủ ái nước ở đoạn giữa, không phủ ái nước ở 7cm đầu xa và 25cm đầu gần</li> <li>- Đầu vào mềm mại</li> <li>- Thiết bị 6Fr, 7Fr có 02 lỗ bên ở đầu xa</li> <li>- Chiều dài: 100cm, 125cm</li> <li>- Đường kính: 5Fr, 6Fr, 7Fr</li> <li>- Lòng ống rộng, đường kính trong: 0.058" (5Fr); 0.071" (6Fr); 0.082" (7Fr). Tương thích với hệ thống 5 trong 6 của Heartrail II</li> <li>- Các kiểu đầu: JR, JL, AR, AL</li> <li>- Tiết khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	320

6	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành dạng EBU	<p>Ống thông can thiệp mạch vành</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu lõi là các sợi kim loại dệt được kết bằng Polymer - Tech Nylon</li> <li>- Có tối thiểu các cỡ 6Fr, 7Fr</li> <li>- Đường kính trong khoảng 0.071" đến 0.081"</li> <li>- Độ cong EBU</li> <li>- Tiết khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	300
7	Ống thông dùng trong can thiệp tim mạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống thông mở rộng đi sâu vào động mạch vành</li> <li>- Chiều dài 25cm và 40cm, chiều dài của shaft 125cm, có thiết kế sợi đan 1x1.</li> <li>- Các size 6F, 7F, 8F và 6F long</li> <li>- Có lớp áo phủ ái nước Z-Glide.</li> <li>- Dạng Guidezilla</li> <li>- Tiết khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	10
8	Vi ống thông can thiệp mạch vành, đầu tip thuôn $\geq 1.4\text{Fr}$	<p>Vi ống thông can thiệp mạch vành</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ bện ống ACT ONE</li> <li>- Đường kính ngoài đầu tip thuôn <math>\geq 1.4\text{Fr}</math></li> <li>- Đường kính ngoài (prox/ distal) <math>\geq 1.9\text{Fr}</math></li> <li>- Chiều dài trong khoảng 135-150 cm.</li> <li>- Lớp phủ ái nước 70-85 cm</li> <li>- Tiết khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	30

9	Vi ống thông can thiệp mạch vành, có 2 nòng, ống hình bầu dục	<p>Vi ống thông can thiệp mạch vành 2 nòng (1 nòng OTW và 1 nòng RX), ống hình bầu dục</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu lõi thép không gỉ gồm 2 lõi stainless steel chống xoắn.</li> <li>- Phủ lớp ái nước L coating 380 mm</li> <li>- Thiết kế ống hình bầu dục 3.3Fr x 2.5Fr</li> <li>- Đường kính ngoài <math>\geq 1.5\text{Fr}</math></li> <li>- Chiều dài <math>\geq 145\text{ cm}</math>.</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	15
10	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành	<p>Dây dẫn chẩn đoán mạch vành</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu lõi bằng thép không gỉ, phủ PTFE</li> <li>- Đường kính có tối thiểu cỡ 0.035"</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ 150cm, 260cm</li> <li>- Đầu tip Straight, J-Tip</li> <li>- Tiết khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	1.600
11	Dây dẫn đường chẩn đoán phủ lớp ái nước	<p>Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten.</li> <li>- Lớp phủ ái nước</li> </ul> <p>Hình dạng đầu tip: đầu cong hoặc hình chữ J (Straight, Angled)</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài dây dẫn: 150 – 260cm</li> <li>- Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm</li> <li>- Đường kính: 0.018", 0.025", 0.032", 0.035", 0.038"</li> <li>- Tiết khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	70

12	Vi dây dẫn can thiệp mạch vành, loại mềm bằng Platinum	<p>Dây dẫn hoặc vi dây dẫn can thiệp mạch vành loại mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu lõi Platinum và thép không gỉ, phủ Silicon hoặc hydrophilic</li> <li>- Đường kính 0.014"</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ 150cm, 190cm, 300cm</li> <li>- Đầu tip có các cỡ nặng <math>\leq 0.7</math> gf</li> <li>- Đầu tip: straight, J</li> <li>- Tiết khuôn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	400
13	Vi dây dẫn can thiệp mạch vành, loại mềm, bằng ELASTINITE NITINOL	<p>Dây dẫn hoặc vi dây dẫn can thiệp mạch vành loại mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu phần lõi đầu xa bằng ELASTINITE NITINOL, lõi đầu gần bằng thép không gỉ, phủ lớp TURBOCOAT (hydrophilic) ái nước bền và SMOOTHGLIDE (hydrophobic)</li> <li>- Đường kính 0.014"</li> <li>- Chiều dài 190cm hoặc 300cm.</li> <li>- Đầu cong chữ J, đầu thẳng (Straight), bền, chịu lực 0.7g</li> <li>- Đầu dây có điểm đánh dấu cản quang (Marker Band): 1.5mm</li> <li>- Thiết kế đầu tip: Shapping ribbon</li> <li>- Tiết khuôn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	100
14	Vi dây dẫn can thiệp mạch vành, loại CTO	<p>Dây dẫn hoặc vi dây dẫn can thiệp mạch vành loại CTO</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu lõi Platinum và thép không gỉ, phủ Silicon, phủ ái nước</li> <li>- Đường kính 0.014"</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ 180cm, 235cm, 300cm, 330cm</li> <li>- Đầu tip có các cỡ nặng: 1.0 gf, 2.0 gf, 4.0 gf, 6.0 gf, 12 gf</li> <li>- Đầu tip: straight, J</li> <li>- Tiết khuôn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	50



15	Bộ hút huyết khối trong lòng động mạch vành	Đầu Tip hai đầu - Lớp bên trong bằng PTFE - Chất liệu phủ Hydrophilic . - Chiều dài $\geq 140$ cm. - Lưu lượng hút lớn 6F = 0.99 mm <sup>2</sup> - 7F = 1.39mm <sup>2</sup> , tương thích dây dẫn 0,014” - Có 2 RO marker đầu tip - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
16	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch vành loại xoắn vặn	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch vành, có van 1. Bơm áp lực - Chất liệu Polycarbonate - Áp lực tối đa 30 atm - Thể tích 20 - 25 ml 2. Đầu nối chữ Y có van cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm - Kích cỡ trong khoảng 7 - 9Fr 3. Dụng cụ đưa dây dẫn 4. Đầu gắn dây dẫn để xoay - Tiết khuẩn. - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	500
17	Bóng nong mạch vành áp lực thường, đường kính bóng, bằng Nylon Pebax.	Bóng nong mạch vành áp lực thường - Chất liệu: Nylon Pebax. - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ: 0.85, 1.0mm, 1.25mm, 1.5mm, 1.75mm, 2.0mm, 2.25m, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 5mm, 8mm, 10mm, 12mm, 15mm, 20mm, 30mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Chiếc	400

18	Bóng nong mạch vành áp lực thường, bằng Pebax.	<p>Bóng nong mạch vành áp lực thường</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Pebax, phủ lớp ái nước Hydrophilic</li> <li>- Thiết kế 3 nếp gấp (Tri-fold design).</li> <li>- Điểm đánh dấu (Markers): thép Tungsten</li> <li>- Đường kính có tối thiểu các cỡ: 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 3.75, 4.0, 4.5, 5.0 mm.</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 6, 8, 12, 15, 20, 25, 30 mm.</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	50
19	Bóng nong mạch vành áp lực thường, bằng polyamide bán đàn hồi	<p>Bóng nong mạch vành áp lực thường</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: polyamide bán đàn hồi</li> <li>- Khẩu kính bóng nhỏ dần về đầu tip</li> <li>- Đường kính có tối thiểu các cỡ: 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5, 4.0mm</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 10mm, 15mm, 20mm, 30mm</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	40
20	Bóng nong mạch vành áp lực cao, bằng Nylon Blend	<p>Bóng nong mạch vành áp lực cao</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nylon Blend</li> <li>- Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ: 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30 mm</li> <li>- Áp lực vỡ bóng <math>\geq 18\text{atm}</math>.</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	50

21	Bóng nong mạch vành áp lực cao, bằng Nylon 12 và Pebax.	<p>Bóng nong mạch vành áp lực cao</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nylon 12 và Pebax</li> <li>- Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ: 1.5mm, 1.75mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.23mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 8mm, 10mm, 12mm, 15mm, 18mm, 22mm, 26mm</li> <li>- Áp lực vỡ bóng <math>\geq 20</math>atm.</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Chiếc	360
22	Bóng nong mạch vành áp lực cao dây dẫn kép Nitinol, bằng Nylon	<p>Bóng nong mạch vành áp lực cao dây dẫn kép Nitinol</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nylon</li> <li>- Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ: 1.75mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 10mm, 15mm, 20mm</li> <li>- Áp lực vỡ bóng <math>\geq 20</math>atm.</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Chiếc	50
23	Bóng nong mạch vành áp lực cao, bằng Pebax.	<p>Bóng nong mạch vành áp lực cao</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Pebax, phủ lớp ái nước Hydrophilic</li> <li>- Áp lực vỡ bóng <math>\geq 18</math>atm</li> <li>- Điểm đánh dấu (Markers): thép Tungsten uốn cong được.</li> <li>- Đường kính có tối thiểu các cỡ: 1.5, 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 3.75, 4.0, 4.5, 5.0mm.</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 6, 8, 12, 15, 20, 25mm</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	50

24	Bóng nong mạch vành áp lực cao, bằng Grilamide L25 Polyamide 12	<p>Bóng nong mạch vành áp lực cao</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Grilamide L25 Polyamide 12</li> <li>- Áp lực vỡ bóng <math>\geq 21</math>atm</li> <li>- Đường kính có tối thiểu các cỡ: 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5mm.</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 6, 10, 15, 20, 25mm</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	40
25	Bóng nong mạch vành áp lực cao CTO, bằng Grilamide L25 Polyamide 12	<p>Bóng nong mạch vành áp lực cao CTO</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Grilamide L25 Polyamide 12</li> <li>- Áp lực vỡ bóng <math>\geq 21</math>atm</li> <li>- Đường kính có tối thiểu các cỡ: 0.85mm và 1.1mm.</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 6, 10, 15, 20mm</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	50
26	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel	<p>Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyamide</li> <li>- Đường kính có tối thiểu các cỡ từ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm. 3.5mm, 4.0 mm</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 10mm, 15mm, 20mm, 30mm</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	30
27	Stent mạch vành phủ thuốc Angiolite Sirolimus, bằng Cobalt Chromium (Cocr) L605	<p>Stent phủ thuốc Sirolimus</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Chromium (Cocr) L605</li> <li>- Đường kính có tối thiểu các cỡ từ 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm. 3.5mm, 4.0 mm, 4.5mm</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 9mm, 14mm, 16mm, 19mm, 24mm, 29mm, 34mm, 39mm, 44mm, 49mm.</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	100

28	Stent mạch vành phủ thuốc điều trị kép Sirolimus & Anti CD34	<p>Stent phủ thuốc sirolimus trên nền polymer sinh học tự tiêu kết hợp với lớp kháng thể anti CD-34</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không gỉ 316L</li> <li>- Đường kính có tối thiểu các cỡ từ 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm. 3.5mm, 4.0 mm</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 9mm, 13mm, 15mm, 18mm, 23mm, 28mm, 33mm, 38mm</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	150
29	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus, bằng Cobalt Chromium (Cocr) L605	<p>Stent phủ thuốc Everolimus</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bằng hợp kim Cobalt Chromium (Cobalt Crom L-605)</li> <li>- Đường kính có tối thiểu các cỡ: 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 4.0 mmm.</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 8mm; 12mm; 15mm;18mm; 23mm; 28mm; 33mm; 38mm; 48mm.</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	150
30	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus, bằng Cobalt Chromium (Cocr) L605 và Polymer tự tiêu sinh học PLLA/PLGA 50:50	<p>Stent phủ thuốc Everolimus</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bằng hợp kim Cobalt Chromium (Cocr) L605 và Polymer tự tiêu sinh học PLLA/PLGA 50:50</li> <li>- Đường kính có tối thiểu các cỡ: 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 4.0, 4.5mmm.</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 8, 9, 13, 15, 18, 23, 28, 33, 38 40, 44, 48mm</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO</li> </ul>	Cái	50

31	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus, bằng Cobalt Chromium (Cocr) và Polymer phân hủy sinh học Polyactide tự tiêu	<p>Stent phủ thuốc Sirolimus</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bằng hợp kim Cobalt Chromium (Cocr) và Polymer phân hủy sinh học Polyactide tự tiêu</li> <li>- Đường kính có tối thiểu các cỡ: 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0 mmm.</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 8mm; 12mm; 16mm;18mm; 21mm; 24mm; 28mm; 32mm, 40mm</li> <li>- Tiết khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	50
32	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus, bổ sung lớp phủ Sirolimus, bằng Cobalt Chromium (Cocr) L605	<p>Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus kết hợp bóng phủ thuốc Sirolimus</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mép hai đầu bóng lớp phủ thuốc dạng EGGLE COATING 0.5mm.</li> <li>- Thân Stent và các bộ phận tiếp xúc của bóng phủ thuốc kiểu FUSION COATING.</li> <li>- Lớp phủ dạng Abluminal tạo điều kiện thuốc giải phóng đơn hướng.</li> <li>- Chất liệu bằng hợp kim Cobalt Chromium L605</li> <li>- Đường kính có tối thiểu các cỡ: 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.50, 4.00, 4.50, 5.00 mm.</li> <li>- Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 8, 12, 16, 20, 24, 28, 32, 36, 40, 44, 48, 52mm.</li> <li>- Tiết khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	50
33	Giá đỡ có phủ lớp màng bọc bằng chất liệu electrospun polyurethane	<p>Giá đỡ điều trị biến chứng thủng mạch vành cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Dược phủ lớp Silicon Carbide siêu mỏng (PROBIO) có tính tương thích sinh học cao.</li> <li>- Lớp màng bằng chất liệu electrospun polyurethane. Độ dày lớp phủ 90µm.</li> <li>- Thiết kế đơn lớp (single layer) làm giảm khẩu kính</li> <li>- Thanh stent mỏng đường kính 2.5, 3.0mm có kích thước 60µm (0.0024"); đường kính 3.5, 4.0 mm có kích thước 80µm (0.0031"); đường kính 4.5, 5.0mm có kích thước 120µm (0.0047")</li> <li>- Đủ kích thước: đường kính: 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0 mm, chiều dài : 15, 20, 26mm</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO, FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	2

34	Dây bơm thuốc cản quang áp lực cao	<p>Dây bơm đo áp lực cao</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu làm bằng PVC, Nylon/ Polyurethane</li> <li>- Chịu áp lực từ 500 psi( 34 bar), 900 psi ( 62 bar),1200 psi (83 bar)</li> <li>- Chiều dài: 180cm</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	50
35	Dụng cụ bắt dị vật 1 vòng	<p>Thiết kế 1 vòng để gia tăng khả năng bắt dị vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thể dùng với catheter 2.3F, 3F, 4F, 6F phù hợp cho trẻ em và các mạch máu nhỏ.</li> <li>- Đủ các kích cỡ của vòng từ 2,4,5,7,10,15,20,25,30,35 mm</li> <li>- Chiều dài catheter 100 cm</li> <li>- Chiều dài của snare: 120 cm</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>	Cái	5
36	Kim chọc động mạch quay	<p>Kim chọc mạch quay</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu làm bằng thép không gỉ được thiết kế với tay cầm tối ưu và đầu kim bén</li> <li>- Đường kính: 20G, 21G</li> <li>- Chiều dài 20mm, 40mm, 70mm, 90mm</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	50
37	Kim chọc động mạch đùi	<p>Kim chọc mạch đùi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu làm bằng thép không gỉ được thiết kế với tay cầm tối ưu và đầu kim bén</li> <li>- Đường kính: 18G, 19G</li> <li>- Chiều dài : 40mm, 50mm, 70mm, 90mm</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Cái	50

38	Áo phẫu thuật size L	<p>Làm từ vải không dệt 6 lớp SSMMMS 43gsm trở lên, chống thấm còn, chống tĩnh điện, gồm:</p> <p>2x khăn thấm 30x40</p> <p>1x Áo phẫu thuật size L</p> <p>1x Vải gói</p> <p>- Tiết trùng bằng khí EO</p> <p>- Tiêu chuẩn ISO và CE (Châu Âu)</p>	Bộ	5.000
39	Bao chụp đầu đèn Ø65cm	<p>Bao chụp đầu đèn Ø65cm</p> <p>- Tiết trùng bằng khí EO theo từng Cái</p> <p>- Tiêu chuẩn ISO và CE (Châu Âu)</p>	Cái	300
40	Bộ khăn chụp mạch vành fullset	<p>Làm từ vải không dệt 6 lớp SSMMMS 47gsm trở lên, chống thấm còn, chống tĩnh điện</p> <p>1x Khăn trải bàn dụng cụ 220x240 cm, cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa &amp; 1 lớp SMS 35 - 50 gsm)</p> <p>1 x Khăn chụp mạch vành 3 lỗ 220x370cm.</p> <p>- Khăn được cấu tạo từ vải không dệt 6 lớp SSMMMS 47gsm trở lên, chống thấm còn, chống tĩnh điện, được gia cố vùng thấm hút đặc biệt; hai bên khăn được thiết kế bằng chất liệu trong suốt nhằm giúp phẫu thuật viên có thể nhìn thấy bàn điều khiển,</p> <p>- Lỗ đùi kích thước 13cm, lỗ trên màng phẫu thuật 7cm</p> <p>- Lỗ tay kích thước 8cm, lỗ trên màng phẫu thuật 6cm</p> <p>- Có túi chứa dịch</p> <p>1 x Bao kính chắn chì 95x90cm (có dây thun); 1 x Tấm phủ chắn chì 180x150cm; 1 x Bao chụp đầu đèn M Ø65cm; 1 x Bao đựng Remote 10x26cm; 1 x Khăn đa dụng 50x60cm, vải bán thấm; 1 x Khăn phủ vùng sinh dục 15x30cm; 1 x Chén nhựa xanh 1000ml; 2 x Chén nhựa 100ml; 1 x Chén nhựa 50ml; 1 x Bộ phân phối 3 cổng kèm 2 dây truyền dịch và 1 dây đo áp lực; 1 x Bơm tiêm luer lock 10ml; 2 x Bơm tiêm không khóa 10ml; 10 x Gạc cotton 12 lớp 10x10cm; 1 x Kim 23G; 2 x Que thấm betadine 19cm; 16 x Khăn thấm 30x40cm; 2 x Khay nhựa (20 cm(dài) x 10cm (rộng) x 6cm(cao)); 1 x Khay nhựa (43cm (dài) x 35cm (rộng) x 11cm (cao));</p> <p>- Đóng gói bằng túi ép Tyvek, tiết trùng bằng khí EO</p> <p>- Tiêu chuẩn ISO và CE (Châu Âu)</p>	Bộ	1.600



41	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường, có dây nối phụ người lớn	<p>Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn 1 đường 2 trong 1 với dây nối phụ, loại cho người lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số cảm biến: Bảo vệ quá áp 6464mmHg, thời gian hoạt động: 168 giờ</li> <li>- Dây đo và dây truyền dịch nguyên liệu PVC cao cấp, không DEHP</li> </ul> <p>+ Dây đo ID=1.6mm, OD=3.2mm, gồm 2 đoạn: đoạn chính, dài 180cm và đoạn dây nối phụ, dài 150cm. Dây chính kèm 2 khóa 4 ngã</p> <p>+ Dây truyền dịch ID=2.9mm, OD= 4.1mm, dài 180cm, buồng nhỏ giọt 60mm, màng lọc 15micron.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 5,0μ V/V/mmHg ± 1%. Áp suất hoạt động: -30 đến 300 mmHg. Phi tuyến tính và độ trễ: ± 1mmHg. Trở kháng đầu ra: 270-330 ohms, độ trễ tại 0 ≤ 2mmHg/8 giờ</li> <li>- Cung cấp cáp nối tương thích với monitor mà bệnh viện đang sử dụng.</li> <li>- Chứng chỉ 510k (K151040)</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)</li> </ul>	Bộ	120
Tổng cộng: 41 khoản				